

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/HS-ST

Ngày: 14-4-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ninh, Bà Nguyễn Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh-Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo: **Lê Văn H** (tên gọi khác: không) sinh ngày 17/7/1991, tại Thanh Hóa.

Nơi thường trú: thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh TH; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; Con ông: Lê Văn V, sinh năm 1963 và con bà: Đỗ Thị H1, sinh năm 1966; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Lê Thị Q, sinh năm 1993 đã ly hôn năm 2015, có 01 con chung sinh năm 2012; Tiền sự: không.

Tiền án: 02

- Tại Bản án số 19/2016/HSST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Bản án số 04/2017/HSST ngày 23/2/2017 của Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù tại Bản án số 19/2016/HSST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa buộc Lê Văn H phải thi hành chung cho cả hai bản án là 04 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/4/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2020 cho đến nay, hiện bị cáo bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

***Bị hại:**

1) Anh Nghiêm Xuân D, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi thường trú: xóm Đ, xã HN, huyện Đ, tỉnh TN; chỗ ở: số X, tổ Y, phường Đ, TPTN, tỉnh TN

2) Chị Tô Thùy L, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi thường trú: xóm Đ, xã HN, huyện Đ, tỉnh TN và chỗ ở: số X, tổ Y, phường Đ, TPTN, tỉnh TN

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1) Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1966 (có đơn xin xử vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh TH.

2) Chị Lê Thị Hg, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi thường trú: thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh TH.

*** Người làm chứng:** Anh Quách Quang Th, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ X, phường TĐ, TPTN, tỉnh TN

***Người chứng kiến:** Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 06/11/2020, Lê Văn H đến xưởng sản xuất nhôm kính của anh Nghiêm Xuân D, sinh năm 1986, địa chỉ: tổ Y, phường Đ, TPTN, tỉnh TN để làm thử việc, anh D giao công việc làm nhôm kính tại khu vực phía sau xưởng. Khoảng 9 giờ cùng ngày H nhìn thấy anh D ngồi với một người đàn ông (sau này xác định là anh Quách Quang Th, sinh năm 1975, nơi thường trú: Tổ X, phường TĐ, TPTN, tỉnh TN) ngồi nói chuyện, sau đó anh Th đưa cho anh D một cọc tiền. H làm việc đến khoảng 11 giờ thì được nghỉ ăn cơm và nghỉ ngơi tại phòng khách, đến khoảng 13 giờ cùng ngày, H được anh D giao sửa mái tôn cho bà Phạm Thị H2, sinh năm 1950, Nơi thường trú: tổ Y, phường Đ, TPTN, tỉnh TN là nhà hàng xóm nhà anh D. Sau khi sửa xong mái tôn thì H đi ra xưởng phía trước nhà để làm việc cùng mọi người , khi đi qua phòng ngủ nhà anh D thì nhìn thấy trong phòng có 01 chiếc két sắt màu xanh đặt ở góc phòng , H tiếp tục cùng thợ làm việc đến khoảng 17 giờ 30 phút do anh D có việc gia đình cho thợ nghỉ sớm để về Đại Từ nên H cùng thợ dọn dẹp đồ đạc đi về. Sau khi rời xưởng H đi về được khoảng 200m thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhà anh D nên đã quay xe lại, đỗ xe ở đoạn đường vắng cách nhà anh D khoảng 30m rồi đứng nấp ở cột điện gần đó chờ gia đình anh D rời khỏi nhà. Khi anh D cùng vợ con điều khiển xe đi ra ngoài, H liền chui qua khe tường đang xây dựng để leo lên mái tôn nhà bà H2, sau đó trèo xuống cạnh cửa sắt , ở phía sau xưởng, do cửa không khóa nên H mở cửa đi vào nhà, đến trước cửa phòng ngủ, đẩy cửa vào trong. H thấy chiếc két sắt ở góc nhà nên H đi ra xưởng để tìm vật dụng phá

kết, do đã quan sát từ trước biết ở xưởng có lắp đặt camera an ninh, H dùng túi nilon màu đen, ở trên bàn, móc vào một chiếc gậy sắt để che camera rồi đi đến trước bàn làm việc ở xưởng cầm theo 01 chiếc máy cắt và 01 chiếc búa mang vào phòng ngủ để phá kết. H dùng cuộn dây đen ở phía sau của xưởng cầm điện, dùng máy cắt để cắt phần bản lề của kết sắt nhưng không mở được kết nên H dựng kết sắt vào thành giường, dùng máy cắt để cắt mặt sau của kết. Sau đó, H dùng búa đập móp phần sau của kết, cho tay phải vào bên trong kết lục lọi tài sản lấy được một cọc tiền và một hộp sắt nên cất vào túi quần bên phải đang mặc trên người rồi đi theo lối xưởng, trèo qua tường ra ngoài.

Sau khi lấy được tài sản H điều khiển xe về phòng trọ tại tổ dân phố An Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên bỏ tiền ra đếm xác định có số tiền 49.500.000 đồng và có 07 tờ tiền nước ngoài còn hộp sắt H đã làm rơi trên đường từ nhà anh D về tới phòng trọ. Ngày hôm sau, H đi xe mô tô mang theo tài sản trộm được về nhà thuộc thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh TH. Khi về nhà, H đưa cho mẹ là bà Đỗ Thị H 1, sinh năm: 1966, trú tại thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh TH số tiền 8.000.000 đồng và nói là số tiền do H đi làm có được, cất dấu ở thùng đựng thóc của gia đình 25.500.000 đồng, 07 tờ tiền mệnh giá nước ngoài H cất giấu trong tủ quần áo của gia đình, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 06/11/2020, anh D cùng vợ, con về nhà phát hiện bị mất trộm nên đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an phường Đồng Quang. Ngày 12/11/2020, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của Lê Văn H, trú tại thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh TH đã thu giữ: Số tiền 25.500.000 đồng tại vị trí dưới tấm đệm màu trắng dưới thùng đựng thóc ở trước cửa nhà có mái che, 07 tờ tiền nước ngoài (gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 1000 won, 02 tờ tiền mệnh giá 5000 won, 01 tờ tiền mệnh giá 10 Dollar Hong Kong, 01 tờ tiền mệnh giá 20 bath, 01 tờ tiền mệnh giá 5 jiao, 01 tờ tiền mệnh giá 20 peso thu giữ tại tủ quần áo cạnh sát giường ngủ), bà H 1 tự nguyện giao nộp số tiền tiền 8.000.000 đồng mà H đã đưa.

Tại Bản Kết luận giám định số 77/KL-KTHS ngày 25/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận:

-03 (Ba) tờ tiền Hàn Quốc mệnh giá 1000, 5000 won có seri CB 7377124 E; BK 0778221 L; JA 0337331 J là tiền thật.

- 01 (một) tờ tiền Hong Kong mệnh giá 10 dollar, có số seri AB224301 là tiền thật.

-01 (một) tờ tiền Thái Lan mệnh giá 20 bath có số seri OH 3879076 là tiền thật.

-01 (một) tờ tiền Phillipines mệnh giá 20 Peso, có số seri GX 316054 là tiền thật.

-01 (một) tờ tiền Trung Quốc mệnh giá 5 JIAO, có số seri E1Z1685054 là tiền thật.

Theo Thông báo số 366/TB-NHNN ngày 04/11/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với một số ngoại tệ thì quy đổi:

- 01 tờ tiền mệnh giá 1000 won, 02 tờ tiền 5000 won là tiền Hàn Quốc tính theo tỷ giá quy đổi thành tiền Việt Nam đồng ngày 06/11/2020 là $11.000 \text{ won} \times 20,35 = 223.850 \text{ đồng}$.

- 01 tờ tiền mệnh giá 10 dollar Hong Kong là tiền Hồng Kông tính theo tỷ giá quy đổi thành tiền Việt Nam đồng ngày 06/11/2020 là $10 \times 2991,46 = 29.914,6 \text{ đồng}$.

- 01 tờ tiền mệnh giá 5 jiao là tiền Trung Quốc tính theo tỷ giá quy đổi thành tiền Việt Nam đồng ngày 06/11/2020 là $5 \times 3.458,66 = 17.293,3 \text{ đồng}$.

- 01 tờ tiền mệnh giá 20 bath là tiền Thái Lan tính theo tỷ giá quy đổi thành tiền Việt Nam đồng ngày 06/11/2020 là $20 \times 744,46 = 14.889,2 \text{ đồng}$.

Tại Công văn số 111/THN-TH ngày 03/02/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên về việc cung cấp tỷ giá xác định: Đối với Peso Philippines thì hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa niêm yết tỷ giá của đồng Việt Nam với Peso Philippines, do đó đến nay không xác định giá trị 01 tờ tiền tiền Philippines mệnh giá 20 Peso.

Tại Kết luận số 334/HĐĐGTS ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 chiếc kết sắt mặt trước màu xanh, đã qua sử dụng giá trị thiệt hại của tài sản vào ngày 06/11/2020 là 500.000 đồng.

Tại Kết luận số 326/HĐĐGTS ngày 25/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 02 (hai) nhẫn vàng tây, đã qua sử dụng, 01 (một) dây chuyền bạc, đã qua sử dụng, 02 (hai) chiếc khuyên tai bằng vàng Ý, đã qua sử dụng, 01 vòng tay bằng bạc, nặng khoảng 1 cây bạc, đã qua sử dụng. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên từ chối định giá do không xác định được nhãn hiệu, trọng lượng; không có hóa đơn, chứng từ mua bán, do vậy tại thời điểm định giá tài sản không đủ căn cứ điều kiện cần thiết để tiến hành định giá.

Bản cáo trạng số 93/CT-VKSTPTN ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan.

Bị hại anh D, chị L xác định bị cáo trình bày là đúng, hiện nay tài sản thu hồi được anh chị đã nhận lại số tiền 49.500.000 đồng và 7 tờ tiền mệnh giá nước ngoài, tuy nhiên đối với tài sản là 02 nhẫn vàng tây, 01 dây chuyền bạc, 02 chiếc khuyên tai bằng vàng Ý, 02 vòng tay bằng bạc và chiếc kết đã bị hỏng yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hg xác định khi cơ quan điều tra tiến hành khám xét bắt giữ đối với H đồng thời xác định số tiền trộm cắp bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết đồng thời bị cáo có nhờ chị bồi thường nên chị đã tự

nguyên nộp số tiền 16.000.000 đồng để bồi thường, đến nay chị xác định cho bị cáo nên không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 42-48 tháng tù. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho anh Nghiêm Xuân D số tiền 10.000.000 đồng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì, tại lời nói sau cùng bị cáo xin lỗi gia đình và bị hại, mong hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.2 Tại phiên tòa bà Đỗ Thị H1 vắng mặt tuy nhiên Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đồng thời bà H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H1.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn H tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như Đơn trình báo; Biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, biên bản sự việc; Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với Kết luận định giá tài sản. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ 30 ngày 06/11/2020 sau khi biết anh Nghiêm Xuân D cùng gia đình đi khỏi xưởng nhôm kính thuộc tổ Y, phường Đ, TPTN, tỉnh TN Lê Văn H chui qua khe tường đang xây dựng để leo lên mái tôn sau đó

trèo xuống cạnh cửa sắt phía sau xưởng sau đó mở cửa để vào buồng ngủ của nhà anh D. Sau khi vào buồng ngủ, H tiếp tục đi ra phía trước nhà dùng túi nilon đen che camera để tránh bị phát hiện, sau đó lấy máy cắt, búa đi vào buồng ngủ phá kết sắt lấy số tài sản trong két sắt gồm 49.500.000 đồng; 06 tờ tiền nước ngoài tính theo tỷ giá quy đổi thành tiền Việt Nam đồng là 285.947,1 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của anh Nghiêm Xuân D qua định giá là 49.785.947,1 đồng. Ngoài ra còn có 01 tờ tiền Philipines mệnh giá 20 peso không xác định được giá trị và theo bị hại khai còn mất 02 nhẫn vàng tây, 01 dây chuyền bạc, 02 chiếc khuyên tai bằng vàng Ý, 01 vòng tay bằng bạc Hội đồng định giá từ chối định giá do không xác định được nhãn hiệu, trọng lượng, không có hóa đơn, chứng từ mua bán.

[3] Với hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện trộm cắp tài sản trị giá là 49.785.947,1 đồng, tại bản án số 04/2017/HSST ngày 23/2/2017 của Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý do đó hành vi của bị cáo Hải đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo xâm phạm tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương và xã hội vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự do đó Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*" do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền, tuy nhiên xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có đủ điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung, do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự:

[7.1] Đối với tài sản trộm cắp số tiền 49.500.000 đồng bị cáo đã bồi thường xong và 06 tờ tiền nước ngoài đã thu hồi giao cho anh Nghiêm Xuân D quản lý sử dụng, anh Diện không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7.2] Đối với chiếc két bị phá hỏng qua định giá là 500.000 đồng và các tài sản là 02 nhẫn vàng tây, 01 dây chuyền bạc, 02 chiếc khuyên tai bằng vàng, 01

vòng tay bằng bạc, hiện số tài sản trên không thu hồi được, đồng thời không tiến hành định giá được tuy nhiên tại phiên tòa anh D, chị L và bị cáo thống nhất thỏa thuận anh D là người đứng ra nhận bồi thường với tổng số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), xét thấy việc thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[8] Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo đưa cho bà Đỗ Thị H1 số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), bà H1 không biết đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, đến ngày 12/11/2020 biết là tài sản trộm cắp nên đã tự nguyện giao nộp số tiền trên cho cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý. Đối với chị Lê Thị Hg nộp số tiền 16.000.000 đồng bồi thường hộ bị cáo, tại phiên tòa chị không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa xét thấy là phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản"

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn H 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo Lê Văn H 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[3] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo Lê Văn H có trách nhiệm bồi thường cho anh Nghiêm Xuân D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Lê Văn H, anh Nghiêm Xuân D, chị Tô Thùy L và chị Lê Thị Hg có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đỗ Thị H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Trại tạm giam công an tỉnh TN;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; Người TGT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền